

Bản án số: **31/2023/HS-ST**

Ngày: 24/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Đức
2. Ông Phạm Thế Ngọc (Giáo viên nghỉ hưu)

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/HSST ngày 01/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 10/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn T; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1994; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nam Định; HKTT và chỗ ở: xóm 11, G, G, Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Vũ Văn T (sinh năm: 1970); Họ tên mẹ: Trần Thị V (sinh năm: 1973); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Thúy N (sinh năm: 1995);

* Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 26 do Công an huyện T lập ngày 26/12/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vũ Văn T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/11/2003 (Khi thực hiện hành vi phạm tội T 17 tuổi 11 tháng 18 ngày); Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nam Định; HKTT và chỗ ở: xóm 12, G, G, Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Họ tên cha: Vũ Văn K (sinh năm: 1972); Họ tên mẹ: Trần Thị N (sinh năm: 1974); Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm.

* Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 549 do Công an huyện T lập ngày 13/12/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

HKTT: Xóm V, xã B, huyện B, Hà Nam

Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện T, Hà Nội

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Quang T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

HKTT: Xã X, huyện X, Nam Định

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

HKTT: xóm 7, xã X, huyện X, Nam Định

Trú tại: thôn 3, xã Đ, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2020, anh Trần Ngọc A (Sinh năm: 1984; HKTT: xóm V, xã B, huyện B, Hà Nam) mở xưởng sản xuất máy móc tại thôn 2, xã V, T, Hà Nội. Quá trình hoạt động, anh Ngọc A thuê Vũ Văn T làm nhân viên. Đến khoảng tháng 8/2022, anh Ngọc A chuyển các loại máy móc, vật tư đã bị hỏng không sử dụng được ra ngoài sân xưởng để sửa chữa, thay thế máy móc trong xưởng. Đến ngày 23/10/2021, cả gia đình anh Ngọc A bị cách ly do nhiễm Covid - 19 nên anh Ngọc A nhờ T trông coi khu vực xưởng sản xuất (anh Ngọc A không giao cho T quản lý, sử dụng tài sản trong xưởng).

Trong quá trình sản xuất, anh Ngọc A thường xuyên mua nguyên vật liệu của Vũ Văn T và nợ T số tiền hàng là 81.533.000 đồng, đến ngày 23/10/2021 anh Ngọc A vẫn chưa trả cho T số tiền này. Do nhiều lần đòi tiền nhưng anh Ngọc A chưa thanh toán nên T nảy sinh ý định đến lấy tài sản của anh Ngọc A để trừ nợ. Sáng ngày 23/10/2021, T đi đến xưởng sản xuất của anh Ngọc A ở Thôn 2, V, T, Hà Nội thì gặp T đang trông coi xưởng. T nói với T là đến lấy đồ, tài sản để trừ nợ nhưng T không đồng ý và bảo để báo cho anh Ngọc A biết. Sau đó, T gọi điện nhưng không liên lạc được với anh Ngọc A và không thấy anh Ngọc A liên lạc lại. Trong thời gian này T biết T đang cần tiền đi khám tai và tiền ăn ở đã hết, tiền lương 1 tháng chưa được nhận nên T nói với T “để anh lấy đồ đi bán có tiền anh sẽ lo cho mày”. Sau khi T và T thỏa thuận với nhau, T đồng ý mở cửa xưởng để T trộm cắp tài sản của anh Ngọc A đi bán. T liền gọi điện cho anh Trịnh Quang T (SN: 1995; HKTT: X, X, N) và anh Nguyễn Văn H (Sn: 1988; HKTT: X, X, N) là người thu mua sắt vụn và nói có máy móc hỏng không dùng được cần bán. Anh Hưng, anh Tráng đồng ý mua và điều khiển xe ô tô tải đến xưởng của anh Ngọc

A để mua. Tại đây T cùng T trộm cắp của anh Ngọc A các lại máy móc, vật tư đã hỏng cùng 01 chiếc xe mô tô Sym Attila biển kiểm soát 29V4-1158 mà anh Ngọc A đang để trong sân mang ra xe ô tô và bán cho anh H và anh T được tổng số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó T đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng, T nhận tiền rồi bỏ về nhà ở G, Giao Thủy, Nam Định.

Đến ngày 26/10/2021, anh Ngọc A về xưởng kiểm tra tài sản và biết việc T và T đã trộm cắp máy móc để ngoài sân mang bán nên đã yêu cầu T, T trả tài sản nhưng T nói tài sản đã bị bán hết, không trả được và xin được bồi thường bằng tiền theo yêu cầu của anh Ngọc A. T và anh Ngọc A ký biên bản về việc T đã lấy số tài sản như sau:

- Lò ủ tôn silic loại 1 tấn.
- 01 máy xả bằng tôn loại 4 dao.
- Bộ cột chịu lực nâng hạ nắp lò.
- Một pa lăng xích kéo tay loại 5 tấn.
- 02 pa lăng xích kéo tay loại 5 tạ.
- 01 thùng xử lý mùi bằng thép.
- Mát nắp, vật tư và bị phá hỏng lò ủ tôn silic loại 2 tấn.
- 01 bình khí CO₂, loại to.
- Lõi biến áp thành phẩm, 3500kg.
- Vỏ hộp tôn để lắp ráp thành phẩm, số lượng: 270 vỏ.
- Tôn silic chưa cắt bản 1200kg.
- Vật tư lắp thành phẩm.
- Hộp vỏ catton số lượng 1200 hộp.
- Giấy bìa tấm 200kg.
- Dây nhôm 40kg.
- 01 Bản đóng hộp và giá sen
- 10 bộ thành phẩm trong nhà.
- 50 bộ thành phẩm ngoài trời.
- 06 bộ 3K thành phẩm.
- 20 bộ nguồn chưa lắp ráp vỏ.
- 01 bộ loa, âm ly.
- 01 lô phụ tùng để sửa chữa máy, lắp ráp sản phẩm.
- 01 chiếc xe mô tô Attila biển kiểm soát 29V4-1158.

Đến ngày 13/4/2022, anh Trần Ngọc A gửi đơn trình báo đến Công an xã V.

Tại Cơ quan điều tra, anh Trần Ngọc A khai phù hợp với nội dung như trên. Anh Ngọc A khai số tài sản để ở ngoài sân là máy móc, vật liệu bị hỏng, không

còn giá trị sử dụng, là đồ tự chế, không có hóa đơn mua bán và 01 chiếc xe mô tô Attila biển kiểm soát 29V4-1158.

Ngày 21/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T có yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản Vũ Văn T và Vũ Văn T trộm cắp của anh Trần Ngọc A.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T có công văn số 20/HDĐG ngày 24/7/2022 từ chối định giá do anh Trần Ngọc A không cung cấp được các tài liệu liên quan đến tài sản.

Ngày 20/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T có yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô Attila biển kiểm soát 29V4-1158 của anh Trần Ngọc A bị trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: “Xe máy nhãn hiệu Sym Attila, biển số 29V4-1158 đã qua sử dụng trị giá 2.615.000 đồng”.

Ngày 05/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T có công văn yêu cầu định giá số tài sản của anh Trần Ngọc A bị Vũ Văn T và Vũ Văn T trộm cắp theo giá thu mua phế liệu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 145/KL-HDDGTS ngày 11/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

“- 01 lò ủ tôn Silic bằng sắt (loại tự chế), loại 1 tấn, KT (ĐK1,2*Cl,5)m, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 1.350.000 đồng;

- 01 máy xả tôn 4 dao bằng sắt (loại tự chế) KT (D2,5*R2*Cl,5)m, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 1.350.000 đồng;

- 01 Bộ cột chịu lực nâng hạ nắp lò, bằng sắt (loại tự chế), KT (R2,5*C3)m, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 1.350.000 đồng;

- 01 Pa lăng xích kéo tay loại 5 tấn bằng sắt, kích thước (R30*C50)cm đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 405.000 đồng;

- 02 Pa lăng xích kéo tay loại 5 tạ bằng sắt, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 180.000 đồng;

- 01 Thùng xử lý mùi bằng sắt (loại tự chế), KT (D2,5 *R1*Cl,5)m, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 4.050.000 đồng;

- Vật tư (gồm nắp + vật tư khác) của lò tôn Silic loại 2 tấn bằng sắt, kích thước (ĐK2,5 * Cl,8)m; đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 2.700.000 đồng;

- 01 Bình khí CO2 loại to, KT (ĐK0,2*Cl,8)m, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 270.000 đồng;

- Lõi biến áp thành phẩm bằng sắt, tôn (loại tự chế), đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 3.150.000 đồng;

- Vật tư lắp ráp linh kiện (cos, dây, cao su), đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 0 đồng;
- 1.200 hộp catton, kích thước (20-25×35)cm, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 200.000 đồng;
- Bìa tám, kích thước (1200*1200)cm; đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 2.000.000 đồng;
- Dây dẫn điện từ, cuộn dây nhôm mạ đồng; đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 880.000 đồng;
- 01 bàn đóng hộp và giá sơn bằng sắt, KT (D4*R0,9*C1,2)m (loại tự chế), đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 630.000 đồng;
- 10 bộ đổi nguồn 220V-110V trong nhà đã đóng hộp, trọng lượng 6kg/bộ, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 3.850.000 đồng;
- 06 bộ đổi nguồn 220V-110V thành phẩm trọng lượng 8kg/bộ, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 528.000 đồng;
- 20 bộ đổi chưa lắp ráp vỏ, bằng sắt, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 1.100.000 đồng;
- Bộ phụ tùng sửa chữa máy móc bần kim loại sắt, đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 700.000 đồng;
- 01 bộ linh kiện lắp ráp máy quần biến áp bằng sắt (biến tần, motor, bánh răng...), đã qua sử dụng (phế liệu) trị giá 275.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 25.628.000 đồng.”

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn T và Vũ Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Sau khi vụ việc xảy ra T đã đưa lại cho T 8.000.000 đồng để bồi thường cho anh Trần Ngọc A. Các bị cáo đã bồi thường cho anh Ngọc A số tiền là 200.000.000 đồng. Sau đó, anh Ngọc A đã trả lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô Attila biển kiểm soát 29V4-1158: qua điều tra xác minh là tài sản của anh Trần Ngọc A, chiếc xe mô tô trên đã bị Vũ Văn T và Vũ Văn T trộm cắp, hiện không thu hồi được.

Đối với anh Trịnh Quang T và anh Nguyễn Văn H: Khi mua tài sản anh Tráng và Hưng không biết số tài sản trên là trong xưởng là do T và T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Về yêu cầu bồi thường: Quá trình tố tụng tại Tòa án, Vũ Văn T và Vũ Văn T đã bồi thường cho anh Trần Ngọc A số tiền 28.243.000 đồng. Anh Ngọc A có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và không có đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-TT ngày 15/02/2023, Viện kiểm sát nhân

dân huyện T đã truy tố Vũ Văn T, Vũ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã công bố. Các bị cáo xác nhận đã bán số tài sản trên và thu được 40.000.000 đồng, bị cáo T đã đưa 8.000.000 đồng cho bị cáo T và giữ lại 32.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo T đã trả lại cho bị cáo T 8.000.000 đồng để bồi thường cho anh Ngọc A. Các bị cáo xác nhận đã bồi thường cho anh Ngọc A số tiền 28.243.000 đồng. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo T: xử phạt bị cáo T từ 12-15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24-30 tháng.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo T: xử phạt bị cáo T từ 08-10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16-20 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về dân sự: Vũ Văn T và Vũ Văn T đã bồi thường cho anh Trần Ngọc A số tiền 28.243.000 đồng. Anh Ngọc A không có đề nghị gì khác.

Về vật chứng: không có.

Truy thu bị cáo T số tiền 11.757.000 đồng thu lời bất chính để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia

tổ tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 23/10/2021, tại xưởng sản xuất của anh Trần Ngọc A ở thôn 2, V, T, Hà Nội. Vũ Văn T đã bàn bạc cùng với Vũ Văn T (17 tuổi 11 tháng 18 ngày) trộm cắp của anh Trần Ngọc A các loại máy móc, tài sản (đã hết giá trị sử dụng) có tổng giá trị là 25.628.000 đồng cùng 01 xe mô tô nhãn hiệu Sym Attila, biển kiểm soát 29V4-1158 đã qua sử dụng có giá trị là 2.615.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T và T đã trộm cắp của anh Trần Ngọc A là 28.243.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này có tính chất đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có cơ sở lượng hình cho phù hợp. Bị cáo T là người chủ mưu, lôi kéo T thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, T có vai trò cao hơn T và phải chịu mức hình phạt cao hơn.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Lúc đầu, bị cáo T không đồng ý cho bị cáo T lấy tài sản trong xưởng, nhưng bị cáo T đã lôi kéo, xúi giục bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm phạm tội, bị cáo T 17 tuổi 11 tháng 18 ngày. Do bị cáo T xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, và các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51.

[5] Về trách nhiệm hình sự và biện pháp chấp hành hình phạt:

Các bị cáo có đủ năng lực, nhận thức để biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng xuất phát từ việc bị hại nợ tiền bị cáo T chưa trả, nên bị cáo T, T đã trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, mục đích thu lợi, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51. Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, nên xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đối với bị cáo T phạm tội khi chưa thành niên nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 101 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho anh Trần Ngọc A số tiền là 28.243.000 đồng. Anh Ngọc A không yêu cầu bồi thường thêm, không có đề nghị gì khác nên không xét.

[7] Các bị cáo đã thu 40.000.000 đồng từ việc bán tài sản. Toàn bộ số tiền này do bị cáo T giữ. Sau đó, các bị cáo đã bồi thường cho anh Ngọc A 28.243.000 đồng, nên cần truy thu đối với bị cáo T số tiền 11.757.000 đồng.

[8] Xử lý vật chứng: không có.

[9] Án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Giao Thủy, Nam Định giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về dân sự: không có.

5. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo Vũ Văn T số tiền 11.757.000 đồng.

6. Vật chứng của vụ án: không có.

7. Án phí và quyền kháng cáo:

- Áp dụng: Điều 135, 136, 331, 332, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Áp dụng: Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN THẮNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN THẮNG